

Điều khoản tham chiếu tiền hành đánh giá vi mô trong chu kỳ chương trình Kế hoạch chung 2012-2016

I. Thông tin cơ sở

1. Tháng 4 năm 2005, Nhóm các Tổ chức phát triển LHQ (UNDG) đã chính thức ban hành Phương thức hài hòa về chuyển kinh phí (HACT) cho Cơ quan thực hiện chương trình, dự án¹ (IP), có thể tham khảo trên trang thông tin điện tử của UNGD (<http://www.undg.org> ⇒ *Programming Reference Guide*) và LHQ tại Việt Nam (<http://www.un.org.vn> ⇒ *Publications* ⇒ *One UN Documents* ⇒ *One Set Management Practices*). Phương thức này áp dụng cho 3 cơ quan LHQ (UNDP, UNFPA và UNICEF)² và các cơ quan khác thuộc hệ thống LHQ tự nguyện tham gia. HACT yêu cầu trước hết phải đánh giá hệ thống quản lý tài chính công của nước nhận viện trợ (sau đây gọi tắt là “đánh giá vĩ mô”) và đánh giá năng lực quản lý tài chính của từng Cơ quan thực hiện (sau đây gọi tắt là “đánh giá vi mô”). HACT bắt đầu được thực hiện tại Việt Nam từ tháng 1 năm 2007. Là một trong những yếu tố chính của HACT, đánh giá vi mô đánh giá những rủi ro liên quan đến chuyển kinh phí cho đối tác và được thực hiện trong từng chu kỳ chương trình, thường là trước khi ký Kế hoạch Hoạt động năm, hoặc bất kể khi nào có sự thay đổi lớn trong quản lý tổ chức của Cơ quan thực hiện. Đánh giá vi mô được tiến hành đối với các Cơ quan thực hiện hàng năm nhận được hoặc dự kiến nhận được tổng kinh phí hỗ trợ trên 100,000 đô la Mỹ từ một hoặc tất cả các cơ quan LHQ.

2. Đánh giá vi mô nhằm các mục tiêu sau đây:

2.1. *Mục tiêu nâng cao năng lực:* Việc đánh giá vi mô giúp cho 3 cơ quan LHQ (UNDP, UNFPA và UNICEF) và Chính phủ xác định thực trạng, những điểm mạnh và điểm yếu về năng lực quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện cũng như những lĩnh vực để Chính phủ và các đối tác khác nâng cao năng lực.

2.2. *Mục tiêu quản lý tài chính:* Việc đánh giá này nhằm góp phần đưa ra phương thức, thủ tục chuyển kinh phí và các hoạt động đảm bảo phù hợp sẽ được các cơ quan LHQ và Chính phủ áp dụng cho Cơ quan thực hiện.

3. Với sự trợ giúp chuyên môn của một công ty tư vấn, 3 cơ quan LHQ tại Việt Nam (UNDP, UNFPA và UNICEF) đã thực hiện đánh giá vĩ mô cho Việt Nam trong năm 2006. Họ cũng đã thí điểm hai cuộc đánh giá vi mô chung trong năm 2007 đối với Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê. Nhiều bài học bổ ích được rút ra từ hoạt động thí điểm này, qua đó nâng cao chất lượng

¹ Cơ quan thực hiện chương trình, dự án là một thực thể có tư cách pháp nhân, được Chính phủ và LHQ thống nhất lựa chọn và ghi nhận trong DPO để trực tiếp quản lý và thực hiện chương trình, dự án do tổ chức LHQ trợ giúp. Cơ quan thực hiện chịu hoàn toàn trách nhiệm và trách nhiệm giải trình trước cấp có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam và tổ chức LHQ về kết quả của chương trình, dự án và về việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực do tổ chức LHQ cung cấp (Quy chế về Quản lý Chương trình và dự án hợp tác Việt Nam - LHQ, Tháng 5/2010, p.16).

² Ba trong bốn tổ chức thành viên Ban chấp hành UNGD có cơ quan đại diện tại Việt Nam là UNICEF, UNFPA và UNDP. Tổ chức thứ tư là WFP đã chấm dứt hoạt động tại Việt Nam từ năm 2001. UNGD không còn sử dụng thuật ngữ các Cơ quan thành viên Ban chấp hành (ExCom Agencies) nữa.

của Đề cương tham chiếu, Bảng câu hỏi và quy trình đánh giá, sau đó được sử dụng để thực hiện hai cuộc đánh giá vi mô chung nữa trong năm 2008 đối với Bộ Kế hoạch & đầu tư và Bộ Lao động, thương binh & xã hội. Tiếp theo, trong giai đoạn 2009-2011, 6 Cơ quan thực hiện chung khác của 3 cơ quan LHQ đã được đánh giá vi mô. Đó là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (MARD), Văn phòng Quốc hội (ONA), Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum và Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Bộ Tư pháp (MOJ) và Ủy ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh.

Bài học chung rút ra từ các cuộc đánh giá vi mô là các Cơ quan thực hiện của phía Việt Nam cần quán triệt tầm quan trọng của đánh giá vi mô và tham gia một cách có hệ thống vào hoạt động này, công ty tư vấn cần nghiên cứu kỹ càng hướng dẫn HACT của LHQ và hiểu thấu đáo phương pháp đánh giá vi mô, LHQ và Chính phủ cần nâng cao năng lực chỉ đạo và điều phối chung của mình đối với các hoạt động đánh giá. Do đó, từ năm 2009, các hoạt động đảm bảo chất lượng bao gồm cả kiểm toán có kế hoạch, kiểm tra tài chính tại chỗ và tiếp tục nâng cao năng lực đã được thực hiện đối với các Cơ quan thực hiện được đánh giá vi mô và các Cơ quan thực hiện khác.

4. Năm 2012 đánh dấu sự khởi đầu của chu kỳ chương trình hỗ trợ của LHQ đối với Việt Nam, đó là Kế hoạch chung 2012-2016 và Văn kiện chương trình quốc gia chung giai đoạn 2012-2016 của UNDP, UNFPA và UNICEF. Đây là tiền đề để 3 cơ quan nêu trên xác định các Cơ quan thực hiện cho chu kỳ chương trình này và đưa ra kế hoạch đánh giá vi mô các Cơ quan thực hiện được lựa chọn.
5. Trong bối cảnh trên, nhằm phục vụ chu kỳ chương trình 2012-2016, 3 cơ quan LHQ (UNDP, UNFPA và UNICEF) dự kiến tiến hành đánh giá vi mô đối với cả Cơ quan thực hiện chung và Cơ quan thực hiện riêng lẻ³ như nêu tại Phụ lục 1 “Danh danh các Cơ quan thực hiện được đánh giá vi mô trong chu kỳ chương trình Kế hoạch chung 2012-2016”. Đây là các Cơ quan thực hiện dự kiến hàng năm sẽ nhận kinh phí trên 100,000 đô la Mỹ từ một hoặc cả 3 cơ quan trong chu kỳ chương trình này.

II. Kết quả đầu ra

6. Đối với từng Cơ quan thực hiện được đánh giá, công ty tư vấn sẽ nộp một bản báo cáo cuối cùng (bằng tiếng Anh và tiếng Việt) với những nội dung sau đây:
 - Mức độ rủi ro tổng thể liên quan tới khả năng quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện (được phân loại H - cao, S - đáng kể, M - vừa phải, và L - thấp)
 - Mức độ rủi ro đối với dòng lưu chuyển kinh phí, bố trí nhân sự, các chính sách và thủ tục kế toán, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, chế độ thông tin, báo cáo và giám sát.
 - Bản tóm tắt kết quả đánh giá về quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện.
 - Bản giới thiệu về Cơ quan thực hiện, trong đó có địa chỉ cơ quan, số điện thoại, số fax, địa chỉ trang web và các địa chỉ e-mail chung của cơ quan.
 - Bản trình bày các tiêu chuẩn kế toán được áp dụng; và kiểm tra các tiêu chuẩn này có được xác định ở cấp Cơ quan thực hiện không.
 - Bản trình bày những yếu kém cụ thể về kiểm soát nội bộ được phát hiện trong công tác quản lý tài chính, ở khía cạnh tuân thủ luật và quy định của Chính phủ và thực tiễn quản lý ở cấp và thẩm quyền của Cơ quan thực hiện.

³ Cơ quan thực hiện chung là cơ quan tiếp nhận nguồn kinh phí hỗ trợ từ ít nhất hai cơ quan LHQ và Cơ quan thực hiện riêng lẻ là cơ quan tiếp nhận nguồn kinh phí hỗ trợ từ duy nhất một cơ quan LHQ

- Bản trình bày những yếu kém cụ thể về kiểm soát nội bộ liên quan đến các tiêu chuẩn quốc tế xuất phát từ môi trường quy chuẩn của Cơ quan thực hiện và không thuộc quyền kiểm soát/thẩm quyền của cơ quan này.
- Khuyến nghị về các hoạt động giám sát và kiểm tra cần thực hiện nhằm khắc phục hay bù đắp cho những yếu kém trong thời gian trước mắt.
- Khuyến nghị cách khắc phục dứt điểm những yếu kém về kiểm soát nội bộ đã được phát hiện, trong đó có các biện pháp tăng cường năng lực về ngắn hạn và trung hạn ở cấp Cơ quan thực hiện.
- Các khuyến nghị phải tập trung vào giải pháp với hành động và cách thức quản lý cụ thể cho CQTH thực hiện trong quyền hạn của mình.
- Bảng hỏi về công tác quản lý tài chính tại Phụ lục 3 được hoàn thành.
- Danh sách những cá nhân đã gặp gỡ trong quá trình tiến hành đánh giá vi mô ở từng Cơ quan thực hiện

7. Trong trường hợp các CQTH là các Cục/Vụ/Viện trực thuộc một cơ quan chủ quản, công ty tư vấn sẽ có một báo cáo ngắn gọn, tổng hợp mức độ rủi ro được xác định, những phát hiện liên quan đến công tác quản lý tài chính, khuyến nghị để giải quyết hay khắc phục dứt điểm những yếu kém trong công tác kiểm soát nội bộ của từng CQTH đã được đánh giá.

8. Bản tóm tắt chung cho toàn bộ các đánh giá vi mô (hoặc các đánh giá vi mô trong mỗi đợt; tối đa 4 - 5 trang) kèm theo Bản tóm tắt tổng hợp kết quả đánh giá về quản lý tài chính của tất cả các Cơ quan thực hiện liên quan đã được đánh giá vi mô.

III. Phạm vi đánh giá

9. Việc đánh giá vi mô sẽ nhằm vào Cơ quan thực hiện. CQTH là (i) cơ quan được xác định trong Đề cương Dự án Chi tiết và (ii) cơ quan trực tiếp tiếp nhận, quản lý và thực hiện các chương trình/dự án do LHQ tài trợ. Ngoài ra, CQTH có thể đề xuất các đơn vị/vụ hữu quan khác có vai trò trong việc quản lý và (hoặc) theo dõi dòng vốn ODA chuyển tới CQTH.

10. Việc đánh giá vi mô nhằm đánh giá tổng thể năng lực quản lý tài chính của CQTH, rà soát dòng lưu chuyển kinh phí, bố trí nhân sự, các chính sách và thủ tục kế toán, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, báo cáo, giám sát và các chế độ thông tin. Cần lưu ý rằng đánh giá vi mô cần tập trung vào sự tuân thủ của CQTH đối với các chính sách, thủ tục, quy định và cách tổ chức quản lý do Chính Phủ cũng như chính Cơ quan chủ quản (nếu có) của CQTH đó ban hành. Đánh giá vi mô cũng cần đưa ra các khuyến nghị cho CQTH tiến tới các chuẩn mực quốc tế. Đối với một số CQTH đã được đánh giá vi mô trong Kế hoạch chung chu kỳ 2006-2011 (Chi tiết ở điểm 3, Phần I), công ty tư vấn cần tham khảo báo cáo đánh giá vi mô trước để đảm bảo sự hợp lý trong việc đầu tư thời gian và công sức cho các phần khác nhau của Bảng câu hỏi.

IV. Phương pháp đánh giá

11. Việc đánh giá vi mô sẽ do Văn phòng Điều phối viên Thường trú LHQ (UNRCO) đại diện cho phía LHQ và Bộ Tài chính đại diện cho phía Chính phủ điều phối. Mỗi bên tham gia, kể cả Cơ quan thực hiện, sẽ chỉ định cán bộ đầu mối của mình để đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả cho công ty tư vấn và phối hợp tốt với các bên khác. Trong khi thực hiện các hoạt động đánh giá thường nhật của mình, công ty tư vấn thông báo cho các cán bộ đầu mối của UNRCO và Bộ Tài chính, và các cán bộ này liên hệ với (các) bên tham gia khác để có được sự chỉ dẫn và hỗ trợ cần thiết.

12. Công ty tư vấn cần sử dụng “Phụ lục 3: Bảng câu hỏi về Quản lý tài chính” cho từng Cơ quan thực hiện. Công ty tư vấn sẽ hỏi các câu hỏi liên quan trực tiếp đến các đơn vị/vụ được đánh

giá như nêu tại Đoạn 9 trên đây. Để hoàn thành bộ câu hỏi này, công ty tư vấn cần đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Cơ quan thực hiện nói chung và của các chương trình/dự án do LHQ hỗ trợ nói riêng mà Cơ quan thực hiện chịu trách nhiệm, trong đó nhấn mạnh vào (i) tính hiệu quả của hệ thống trong việc quản lý chương trình/dự án bao gồm cả những thông tin hữu ích và kịp thời để quản lý đúng cách các chương trình/dự án và (ii) hiệu quả chung của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc bảo quản tài sản và nguồn lực của các chương trình/dự án. Trên phương diện thứ hai, đánh giá mức độ rủi ro cho các nội dung nằm ngoài tầm kiểm soát của Cơ quan thực hiện và do môi trường quy định của quốc gia sẽ là đánh giá mức độ rủi ro của đánh giá chung vĩ mô.

13. Công ty tư vấn cần được tiếp cận đầy đủ và trọn vẹn với tất cả các hồ sơ, chứng từ liên quan tới các chương trình/dự án ODA mà có thể trả lời cho 8 bộ câu hỏi nêu trong Phụ lục 3 về các vấn đề sau đây: (i) Cơ quan thực hiện, (ii) các dòng lưu chuyển kinh phí, (iii) bố trí nhân sự, (iv) các chính sách và thủ tục kế toán, (v) kiểm soát nội bộ, (vi) kiểm toán độc lập, (vii) báo cáo và giám sát, và (viii) các hệ thống thông tin quản lý. Các hồ sơ, chứng từ có thể bao gồm sổ sách kế toán, các văn bản thỏa thuận mang tính pháp lý, biên bản các cuộc họp của Ban chỉ đạo, sổ sách giao dịch ngân hàng, hóa đơn, chứng từ, các hợp đồng và tất cả cán bộ, nhân viên của từng Cơ quan thực hiện. Cần thông báo với công ty tư vấn rằng họ có quyền tiếp cận với ngân hàng và các khoản tiền chuyển vào ngân hàng, các chuyên gia tư vấn, các đối tượng hợp đồng và các cá nhân hay cơ quan khác tham gia quản lý chương trình/dự án. Nếu công ty tư vấn chỉ được tiếp cận hạn chế với loại hồ sơ, chứng từ, cá nhân hay địa điểm nào đó trong quá trình đánh giá, thì cần nêu rõ hạn chế đó trong báo cáo kèm theo lý do. Cần lưu ý rằng một số câu hỏi trong Phụ lục 3 liên quan tới phòng/ban tài chính, kế toán, trong khi các câu hỏi khác liên quan tới cơ quan thực hiện.

14. Công ty tư vấn cần lưu ý đặc biệt tới những hồ sơ, chứng từ liên quan tới các vấn đề, kinh nghiệm và các bài học kinh nghiệm (nếu có) của Cơ quan thực hiện, liên quan tới việc thực hiện, quản lý các chương trình, dự án ODA nói chung và các chương trình, dự án hỗ trợ của LHQ nói riêng.

Sau khi hoàn thành từng đợt đánh giá vi mô, công ty tư vấn xây dựng dự thảo báo cáo với những nội dung nêu ở Mục II trong Điều khoản tham chiếu này cho từng Cơ quan thực hiện được đánh giá. Sau đó, công ty tư vấn sẽ chia sẻ dự thảo báo cáo với các Cơ quan thực hiện, UNRCO và Bộ Tài chính. UNRCO chuyển dự thảo báo cáo cho (các) Văn phòng tổ chức LHQ có liên quan, còn Bộ Tài chính có thể chuyển dự thảo báo cáo cho các Cơ quan điều phối viện trợ Chính phủ. Cơ quan thực hiện, Văn phòng tổ chức LHQ và Bộ Tài chính nghiên cứu dự thảo báo cáo và gửi ý kiến đóng góp chính thức cho công ty tư vấn để công ty tư vấn hoàn chỉnh báo cáo. Bản góp ý cần bao gồm những nội dung sau: (i) ý kiến bình luận hoặc làm rõ của Cơ quan thực hiện đối với từng phát hiện của công ty tư vấn, và (ii) đề xuất các biện pháp triển khai nhằm nâng cao năng lực quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện nói chung và hiệu quả viện trợ của LHQ đối với cơ quan đó nói riêng. Sau khi UNCT thông qua, báo cáo cuối cùng sẽ được gửi chính thức đến các Cơ quan thực hiện để triển khai các hoạt động phù hợp nếu cần.

15. Đề xuất các bước để công ty tư vấn tiến hành đánh giá vi mô, huy động sự tham gia tối đa của tất cả các bên liên quan và tăng cường sự trao đổi giữa các bên được nêu tại Phụ lục 2 của Điều khoản tham chiếu này.

16. Phụ lục 4 của Điều khoản tham chiếu này hướng dẫn xác định mức độ rủi ro liên quan tới năng lực quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện.

IV. Tổ chức quản lý đánh giá

17. Công ty tư vấn sẽ làm việc chặt chẽ với Chánh Văn phòng Điều phối viên thường trú LHQ, Nhóm công tác hỗ trợ chương trình LHQ (UN PSWG), Bộ Tài chính, các cơ quan thực hiện được lựa chọn và các đối tác liên quan để thực hiện đánh giá và đạt được kết quả theo yêu cầu. Công ty tư vấn sẽ báo cáo trực tiếp với Chánh Văn phòng UNRCO - người đồng thời chủ trì UN PSWG về tiến độ đánh giá.

18. Các hoạt động quản lý thực tế khác, gồm cả điều phối và hướng dẫn, được mô tả trong “Gợi ý các bước đánh giá vi mô” trong Phụ lục 2 của Điều khoản tham chiếu này.

V. Yêu cầu chuyên môn đối với công ty tư vấn

19. Yêu cầu chung về chuyên môn và trình độ đối với công ty tư vấn:

- Có chuyên môn, trình độ cao và phù hợp
- Có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh.
- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong việc áp dụng các tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế ISA hoặc INTOSAI.
- Có kinh nghiệm tiên hành các đánh giá vi mô/kiểm toán trước đây cho các cơ quan LHQ sẽ là một lợi thế.
- Quen thuộc với các chính sách, quy định và thủ tục của các cơ quan của LHQ và Chính phủ Việt Nam.
- Có hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ tốt.
- Công ty tư vấn đã được công nhận trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với các tiêu chuẩn ISA hoặc INTOSAI, bao gồm cả kinh nghiệm trong việc xem xét các chủ thể tương tự.
- Có hồ sơ nguồn nhân lực của công ty đã được chứng minh bao gồm số lượng nhân viên ở mỗi cấp độ chuyên môn, tỷ lệ đối tác/nhân viên.
- Có nhân viên có khả năng, trình độ và kinh nghiệm, có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh và tiếng Việt để thực hiện đánh giá.
- Cần cung cấp CV của tất cả các thành viên của nhóm đánh giá, trong đó nêu chi tiết về các hoạt động đánh giá hoặc kiểm toán mà các nhân viên liên quan đã tiến hành, bao gồm cả các nhiệm vụ đang triển khai cho thấy trách nhiệm của các nhân viên này cũng như trình độ và kinh nghiệm của họ trong việc thực hiện kiểm toán.

Xin xem chi tiết cụ thể trong phần Tiêu chí đánh giá kỹ thuật.

VI. Thời gian tiến hành đánh giá và Điều khoản thanh toán

20. Thời gian thực tế để tiến hành đánh giá vi mô cho mỗi Cơ quan thực hiện dự kiến là tối đa 5 ngày làm việc tùy thuộc vào qui mô dự án và/hoặc qui mô cơ quan thực hiện, bao gồm cả thời gian dành cho các buổi họp/báo cáo, nghiên cứu tài liệu tham khảo, tiến hành phỏng vấn và tham khảo ý kiến với các bên liên quan, dự thảo và hoàn thiện báo cáo đánh giá vi mô. Thanh toán thực tế sẽ dựa trên số Cơ quan thực hiện được đánh giá. Đánh giá vi mô đợt 1 sẽ được tiến hành từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 4 năm 2013 đối với các Cơ quan thực hiện các dự án có Đề cương chi tiết dự án đã được Chính phủ phê duyệt tại thời điểm trước tháng 11 năm 2012 và đợt 2 sẽ được tiếp tục với các Cơ quan thực hiện còn lại (gồm những cơ quan thực hiện của các dự

án/chương trình có Đề cương chi tiết đang được xây dựng hoặc đang chờ phê duyệt chính thức) và dự kiến vào tháng 3 năm 2013.

21. Điều khoản thanh toán:

- 60% giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán sau khi các cơ quan LHQ đã chấp nhận và hài lòng với các dự thảo báo cáo đánh giá vi mô.
- 40% giá trị hợp đồng sẽ được thanh toán sau khi các cơ quan LHQ đã chấp nhận và hài lòng với các bản báo cáo đánh giá vi mô cuối cùng.

Lưu ý: UNDP sẽ thanh toán cho nhà thầu chi phí đánh giá của các cơ quan thực hiện của UNDP và cơ quan thực hiện chung. UNFPA và UNICEF sẽ chi trả trực tiếp cho nhà thầu chi phí đánh giá cho cơ quan thực hiện của mình.

Phụ lục:

Phụ lục 1: Danh sách các Cơ quan thực hiện được đánh giá vi mô trong chu kỳ chương trình Kế hoạch chung 2012-2016

Phụ lục 2: Gợi ý các bước tiến hành đánh giá vi mô

Phụ lục 3: Bộ câu hỏi về Quản lý tài chính

Phụ lục 4: Gợi ý hướng dẫn xác định mức độ rủi ro liên quan tới năng lực quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện

Phụ lục 1: Danh sách các Cơ quan thực hiện được đánh giá vi mô trong chu kỳ chương trình Kế hoạch chung 2012-2016

Cơ quan chủ quản	Cơ quan thực hiện phía Việt Nam		
	UNFPA	UNDP	UNICEF
Các cơ quan thực hiện chung			
Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1. Tổng cục Thống kê (TCTK) 2. Vụ Kinh tế đối ngoại	1. Vụ Lao động, Văn hóa và Xã hội; 2. Tổng cục Thống kê (TCTK) 3. Vụ Kinh tế đối ngoại	1. Vụ Lao động, Văn hóa và Xã hội
Bộ Lao động, Thương binh, và Xã hội		4. Vụ Bảo trợ xã hội	2. Vụ Bảo trợ xã hội
Bộ Y tế	3. Vụ Kế hoạch và tài chính		3. Vụ Kế hoạch và tài chính
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	4. Sở Kế hoạch và đầu tư		4. Sở Kế hoạch và Đầu tư
Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	5. Sở Kế hoạch và đầu tư		5. Sở Kế hoạch và Đầu tư
UNFPA - Các cơ quan thực hiện riêng lẻ			
Bộ Lao động, Thương binh, và Xã hội	6. Cục Phòng chống tệ nạn xã hội		
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7. Vụ Gia đình		
Bộ Nội vụ	8. Vụ Thanh niên		
Quốc hội	9. Ủy ban Quốc hội về các Vấn đề xã hội		
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	10. Sở Y tế		
Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương	11. Sở Y tế		
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	12. Sở Y tế		
Hội Nông dân Việt Nam	13. Ban Xã hội, Dân số và Gia đình		
UNICEF - Các cơ quan thực hiện riêng lẻ			
Bộ Giáo dục và Đào tạo			6. Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ Lao động, Thương binh, và Xã hội			7. Vụ Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			8. Trung tâm quốc gia về nước sạch và môi trường nông thôn (CERWASS)
Bộ Tư pháp			9. Văn phòng Bộ Tư pháp

Cơ quan chủ quản	Cơ quan thực hiện phía Việt Nam		
	UNFPA	UNDP	UNICEF
Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh			10. Sở Lao động, Thương binh, Xã hội
Quốc hội			11. Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng
Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên			12. Sở Kế hoạch và Đầu tư
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp			13. Sở Kế hoạch và Đầu tư
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang			14. Sở Kế hoạch và Đầu tư
Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai			15. Sở Kế hoạch và Đầu tư
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai			16. Sở Kế hoạch và Đầu tư
UNDP - Các cơ quan thực hiện riêng lẻ			
Bộ Kế hoạch và Đầu tư		5. Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường (DSENRE)	
Bộ Ngoại giao		6. Vụ Hợp tác kinh tế đa phương; 7. Vụ Các tổ chức quốc tế	
Bộ Công thương		8. Tổng cục năng lượng 9. Cục Hóa chất Việt Nam 10. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (ISEA)	
Bộ Nội Vụ		11. Bộ Nội Vụ	
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		12. Ban Quản lý các dự án nông nghiệp ⁴ 13. Vụ Hợp tác Quốc tế 14. Tổng Cục tài nguyên nước, Trung tâm quản lý thảm họa quốc gia 15. Cục Lâm nghiệp Việt Nam 16. Vụ Khoa học, công nghệ và Môi trường;	
Bộ Tư pháp		17. Vụ Hợp tác quốc tế	
Bộ Tài nguyên và Môi trường		18. Văn phòng 33 19. Cục Môi trường Việt Nam 20. Vụ Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi Khí hậu 21. Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE)	

⁴ Ban Quản lý được thành lập theo Quyết định số 100/1999/QĐ-BNN-TCCB, ngày 03/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi tiết có thể xem tại http://apmb.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=47&Itemid=82

Cơ quan chủ quản	Cơ quan thực hiện phía Việt Nam		
	UNFPA	UNDP	UNICEF
Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh		22. Ủy ban về giảm nghèo và nâng cao cuộc sống hộ gia đình	
Quốc hội		23. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội 24. Ủy ban về các vấn đề Tài chính và ngân sách của Quốc hội 25. Viện nghiên cứu lập pháp của Quốc pháp	
Viện Khoa học xã hội Việt Nam		26. Vụ Hợp tác quốc tế	
Ủy ban Dân tộc và miền núi		27. Vụ Chính sách dân tộc và miền núi	
Hội Luật gia Việt Nam		28. Hội Luật gia Việt Nam	
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang		29. Sở Nội vụ	
Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ		30. Sở Nội vụ	
Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng		31. Sở Nội vụ	
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh		32. Sở Nội vụ	
Trường Đại học Quốc Gia Việt Nam		33. Đại học Kinh tế và Quản lý	
Bộ Xây dựng		34. Bộ Xây dựng	
Bộ Khoa học và Công nghệ		35. Bộ Khoa học và Công nghệ	

Ghi chú: Các cơ quan thực hiện đánh dấu đỏ trong bảng là những cơ quan thực hiện các dự án/chương trình có Đề cương chi tiết đang được xây dựng hoặc đang chờ phê duyệt chính thức của Chính phủ. Các cơ quan này sẽ được đánh giá vi mô vào đợt 2 dự kiến tháng 3 năm 2013 (Tham khảo đoạn 20, trang 5)

Phụ lục 2: Gợi ý các bước tiến hành đánh giá vi mô dành cho công ty tư vấn

Dưới đây là gợi ý về các bước chính để công ty tư vấn tiến hành đánh giá vi mô và khuyến khích tất cả các bên liên quan tham gia tối đa vào hoạt động này.

1. Dự thảo, hoàn thiện Điều khoản tham chiếu và các phụ lục

UNRCO có trách nhiệm chính trong việc soạn thảo hoặc hoàn thiện điều khoản tham chiếu, lập danh sách các Cơ quan thực hiện đủ điều kiện đánh giá, xây dựng lịch trình dự kiến và chuẩn bị các phụ lục khác cho hoạt động đánh giá vi mô. Trong quá trình này, UNRCO tham vấn Văn phòng quốc gia của LHQ (UNCOs) và Bộ Tài chính.

Sau khi điều khoản tham chiếu, danh sách và các phụ lục đã được các bên nhất trí, UNRCO chính thức gửi cho Bộ Tài chính điều khoản tham chiếu, danh sách các Cơ quan thực hiện đủ điều kiện đánh giá, lịch trình dự kiến và các phụ lục để đánh giá vi mô.

2. Thông báo đánh giá vi mô cho các Cơ quan thực hiện

Bộ Tài chính chính thức gửi đến các Cơ quan thực hiện đủ điều kiện đánh giá điều khoản tham chiếu, lịch trình dự kiến và các phụ lục để đánh giá vi mô và đề nghị các cơ quan này bắt đầu công tác chuẩn bị cần thiết cho hoạt động đánh giá.

3. Chuẩn bị đánh giá

Cơ quan thực hiện tiến hành chỉ định một cán bộ đầu mối cho hoạt động đánh giá vi mô, rà soát Điều khoản tham chiếu, lịch trình dự kiến và các phụ lục cũng như thu thập tài liệu tham khảo cho hoạt động đánh giá (ví dụ, hướng dẫn nội bộ về quản lý tài chính/kế toán do Cơ quan thực hiện ban hành, sơ đồ tổ chức của các đơn vị liên quan, các loại báo cáo dự án)¹. Sau đó, Cơ quan thực hiện cần chính thức thông báo cho Bộ Tài chính tên của cán bộ đầu mối, lịch trình chính xác và công tác tổ chức thực tế khác cho hoạt động đánh giá.

Bộ Tài chính tổng hợp thông tin từ các Cơ quan thực hiện cho UNRCO. Nếu cần, Bộ Tài chính có thể gặp đại diện của (các) Cơ quan thực hiện để thông báo cho họ về tất cả các vấn đề liên quan đến đánh giá vi mô và hướng dẫn họ về cách triển khai các hoạt động chuẩn bị.

UNRCO cần tiến hành các hoạt động chuẩn bị như sau:

- a) Tổng hợp lịch trình cho (các) đợt đánh giá vi mô, có tính đến ý kiến của các Cơ quan thực hiện;
- b) Bắt đầu tuyển dụng một công ty tư vấn có trình độ, có tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính;
- c) Phối hợp với UNCOs thu thập tài liệu có sẵn về thông tin cơ bản, ví dụ như hướng dẫn chính sách chung có liên quan, các báo cáo kiểm toán trước đây, các báo cáo kiểm tra, các báo cáo định kỳ về tiến độ/kiểm điểm/tài chính, v.v. liên quan đến các dự án hỗ trợ của LHQ do (các) Cơ quan thực hiện chịu trách nhiệm.
- d) Nếu cần thiết, tham gia cùng Bộ Tài chính trong buổi báo cáo với đại diện của các Cơ quan thực hiện.

4. Tiến hành đánh giá

UNRCO triệu tập một buổi họp với công ty tư vấn để thảo luận/làm rõ bất kỳ vấn đề nào liên quan đến điều khoản tham chiếu, lịch trình đánh giá đã cập nhật và thống nhất công tác tổ chức thực tế cho hoạt động đánh giá. UNRCO cần chia sẻ với công ty tư vấn các tài liệu đã thu thập được.

Công ty tư vấn làm việc trực tiếp với (các) Cơ quan thực hiện để xác nhận các cuộc hẹn với đội ngũ nhân viên của Cơ quan thực hiện, tiến hành nghiên cứu tài liệu/phỏng vấn/tham vấn và dự thảo báo cáo đánh giá vi mô.

5. Xem xét và hoàn thiện Báo cáo đánh giá vi mô

Công ty tư vấn gửi dự thảo báo cáo đánh giá vi mô tới Cơ quan thực hiện, UNRCO và Bộ Tài chính. UNRCO chia sẻ dự thảo báo cáo với UNCOs, trong khi đó Bộ Tài chính gửi báo cáo tới các Cơ quan điều phối viện trợ khác của Chính phủ. Cơ quan thực hiện, UNCOs và Bộ Tài chính xem xét dự thảo báo cáo đánh giá vi mô và gửi ý kiến của mình cho công ty tư vấn.

Công ty tư vấn hoàn thiện dự thảo báo cáo và nộp Báo cáo đánh giá vi mô cuối cùng cho Cơ quan thực hiện, UNRCO và Bộ Tài chính.

6. Thông báo kết quả đánh giá vi mô và thống nhất về những hoạt động tiếp theo

UNRCO tổ chức một cuộc họp với công ty tư vấn, UNCOs, Bộ Tài chính, và nếu cần thiết, các Cơ quan Điều phối viện trợ của Chính phủ để xem xét những phát hiện, kết luận và khuyến nghị của Báo cáo đánh giá vi mô, thống nhất về các phương thức chuyển kinh phí thích hợp, tần số các hoạt động kiểm tra cũng như các biện pháp theo dõi cần thiết khác (bao gồm cả các hoạt động xây dựng năng lực) sẽ được áp dụng đối với (các) Cơ quan thực hiện.

UNRCO chính thức thông báo tới các UNCOs và Bộ Tài chính kết quả đánh giá vi mô và kết luận của cuộc họp về các phương thức chuyển kinh phí, các hoạt động kiểm tra và các biện pháp theo dõi khác đã được thống nhất để áp dụng cho (các) Cơ quan thực hiện.

Bộ Tài chính chính thức thông báo cho (các) Cơ quan thực hiện về kết luận của cuộc họp về các phương thức chuyển kinh phí, các hoạt động kiểm tra và các biện pháp theo dõi khác đã được thống nhất để áp dụng cho (các) Cơ quan thực hiện.

Phụ lục 3: Bảng câu hỏi về Quản lý tài chính

Cơ quan thực hiện: _____

Ngày: _____

Tóm tắt các rủi ro liên quan đến Năng lực quản lý tài chính của Cơ quan thực hiện					
Các chủ đề đã được đánh giá (xin xem câu hỏi cho từng chủ đề đánh giá trong các trang dưới đây)					
	Đánh giá rủi ro				Ý kiến nhận xét
	<i>H</i>	<i>S</i>	<i>M</i>	<i>L</i>	
1. Cơ quan thực hiện					
2. Dòng lưu chuyển kinh phí					
3. Bố trí nhân sự					
4. Các chính sách và thủ tục kế toán					
5. Kiểm soát nội bộ					
6. Kiểm toán độc lập					
7. Báo cáo và giám sát					
8. Các hệ thống thông tin quản lý					
Rủi ro nội tại					
[Liệt kê những vấn đề cụ thể chính được xác định trong đánh giá hệ thống quản lý tài chính công của quốc gia (đánh giá vĩ mô), hoặc các rủi ro cụ thể liên quan đến tính chất hoặc hoạt động của Cơ quan thực hiện]					
Đánh giá chung về rủi ro		<i>H</i>	<i>S</i>	<i>M</i>	<i>L</i>
H - Cao		S - Đáng kể		M - Vừa phải	
				L - Thấp	

Chủ đề	Cơ quan thực hiện
1. Chung	
1.1. Trước đây, Cơ quan thực hiện đã bao giờ nhận được nguồn lực của LHQ chưa?	√
1.2. Cơ quan thực hiện có được yêu cầu báo cáo về nguồn vốn ODA theo quy định không? Xin hãy mô tả.	√
1.3. Cơ quan thực hiện có phải là một cơ quan độc lập không?	√
1.4. Cơ cấu tổ chức (quản lý và nhân sự) của Cơ quan thực hiện có phù hợp để thực hiện dự án hợp tác với LHQ?	√
2. Dòng lưu chuyển kinh phí	
2.1. Cơ quan thực hiện có khả năng nhận và chuyển kinh phí không?	√
2.2. Các cơ chế chuyển kinh phí cho Cơ quan thực hiện có phù hợp không?	√
2.3. Cơ quan thực hiện đã bao giờ gặp vấn đề lớn về việc nhận kinh phí từ các nguồn khác, đặc biệt là từ các nguồn vốn của Chính phủ/Bộ Tài chính hay chưa?	√
2.4. Trước đây, Cơ quan thực hiện đã gặp vấn đề nào về quản lý giải ngân với cơ quan LHQ tại Việt Nam chưa? Xin hãy mô tả.	√
2.5. Thủ tục tiếp cận vốn đối ứng của Cơ quan thực hiện như thế nào? (Mô tả)	√
2.6. Nêu các thủ tục tiến hành giải ngân vốn đối ứng của Cơ quan thực hiện?	√

Chủ đề	Cơ quan thực hiện
2.7. Nếu dự án có sự tham gia của các cơ quan đồng thực hiện, Cơ quan thực hiện có cơ chế báo cáo và giám sát cần thiết để theo dõi việc sử dụng kinh phí của các cơ quan đồng thực hiện này không?	√
3. Bố trí nhân sự	
3.1. Cơ cấu tổ chức của bộ phận kế toán có phù hợp với khối lượng công việc về tài chính không? Xin đính kèm sơ đồ tổ chức.	√
3.2. Trình độ và năng lực của nhân viên có phù hợp với khối lượng công việc về tài chính không? Xác định các nhân viên kế toán, bao gồm các chức danh công việc, trách nhiệm, trình độ học vấn và kinh nghiệm chuyên môn. Xin đính kèm mô tả công việc và lý lịch của các nhân viên kế toán quan trọng.	√
3.3. Bộ phận tài chính - kế toán dự án có đủ số lượng nhân sự không? Các nhân viên có đủ trình độ (trình độ học vấn) và kinh nghiệm không?	√
3.4. Các nhân viên kế toán, tài chính có quen với các thủ tục liên quan đến tiếp nhận và sử dụng kinh phí của LHQ không?	√
3.5. Thời hạn hợp đồng của nhân viên tài chính, kế toán là bao lâu?	√
3.6. Xin hãy chỉ ra những vị trí dự án chủ chốt chưa ký hợp đồng và ước tính ngày bổ nhiệm.	√
3.7. Nhân sự có thường xuyên thay đổi không? Bao lâu thay đổi một lần?	√
3.8. Có chính sách đào tạo cho cán bộ tài chính, kế toán không? Xin hãy mô tả.	√
4. Các chính sách và thủ tục kế toán	
4.1. Cơ quan thực hiện có hệ thống kế toán cho phép ghi chép phù hợp các giao dịch tài chính từ các cơ quan LHQ, bao gồm cả phân bổ chi phí phù hợp với các hợp phần tương ứng, danh mục giải ngân và các nguồn vốn, không?	√
4.2. Có các biện pháp kiểm soát liên quan đến việc chuẩn bị và phê duyệt các giao dịch, đảm bảo rằng tất cả các giao dịch được thực hiện một cách chính xác và được giải thích đầy đủ không?	√
4.3. Hệ thống tài khoản có đầy đủ để hạch toán và báo cáo đúng về các hoạt động dự án cũng như các mục giải ngân không?	√
4.4. Việc phân bổ chi phí đối với các nguồn vốn khác nhau có được lập chính xác và phù hợp với các thỏa thuận không?	√
4.5. Sổ cái và các sổ phụ có khớp và cân đối không?	√
4.6. Tất cả các tài liệu kế toán và chứng từ có được lưu giữ thường xuyên trong một hệ thống được xác định rõ ràng, cho phép người có thẩm quyền sử dụng tiếp cận dễ dàng không?	√
Phân công nhiệm vụ	
4.7. Các chức năng nhiệm vụ sau đây có do các đơn vị hoặc cá nhân khác nhau thực hiện không: (a) ủy quyền để thực hiện một giao dịch, (b) hạch toán và (c) lưu giữ tài sản liên quan đến giao dịch?	√
4.8. Các chức năng đặt hàng, tiếp nhận, hạch toán, và thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ có được tách biệt một cách hợp lý không?	√
4.9. Người đối chiếu tài khoản ngân hàng có phải là người thực hiện và phê duyệt thanh toán hay không?	√
Hệ thống lập ngân sách dự án	
4.10. Ngân sách có đặt ra các chỉ tiêu kết quả và chỉ tiêu tài chính không?	√
4.11. Ngân sách cho các hoạt động quan trọng có đủ các thông tin diễn giải để giúp công tác theo dõi và giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện sau	√

Chủ đề	Cơ quan thực hiện
này không?	
4.12. Chi tiêu thực tế có được so sánh với ngân sách một cách thường xuyên và có yêu cầu giải thích những khác biệt đáng kể so với ngân sách không?	√
4.13. Có qui định phải xin phê duyệt trước đối với việc chi vượt ngân sách đã được thông qua của mục chi cụ thể không?	√
4.14. Ai có trách nhiệm xây dựng và phê duyệt ngân sách?	√
4.15. Có thủ tục xây dựng kế hoạch hoạt động dự án, thu thập thông tin từ các đơn vị phụ trách các hợp phần khác nhau và xây dựng ngân sách không?	√
4.16. Các kế hoạch và ngân sách của dự án có thực tế, dựa trên các giả định có giá trị và do những cá nhân hiểu biết xây dựng không?	√
Thanh toán	
4.17. Thủ tục xử lý hóa đơn, chứng từ có cung cấp:	√
- Bản sao của các đơn đặt hàng và báo cáo tiếp nhận hàng hóa/dịch vụ được lấy trực tiếp từ đơn vị phát hành các chứng từ này không?	
- So sánh số lượng, giá cả và thời hạn hóa đơn với những nội dung ghi trên đơn đặt hàng và với hồ sơ của hàng hóa nhận được trên thực tế không?	
- So sánh số lượng ghi trên hóa đơn với số lượng ghi trên báo cáo tiếp nhận không?	
- Kiểm tra độ chính xác của các tính toán không?	
4.18. Tất cả các hóa đơn, chứng từ có được đóng dấu <i>ĐÃ THANH TOÁN (PAID)</i> , ghi ngày, kiểm tra và phê duyệt cũng như đánh dấu rõ ràng để thực hiện mã tài khoản không?	√
4.19. Việc xây dựng bảng lương có được kiểm soát không? Những thay đổi trong bảng lương có được phê duyệt chính thức không?	√
Chính sách và thủ tục	
4.20. Mô tả cơ sở kế toán (ví dụ như cơ sở tiền mặt, cơ sở dồn tích)?	√
4.21. Đơn vị có Hướng dẫn về chính sách và thủ tục đầy đủ cho hoạt động, đảm bảo trách nhiệm giải trình của nhân viên không?	√
4.22. Cơ quan thực hiện (và đối tác LHQ) có phê duyệt từng thay đổi trong chính sách và thủ tục tài chính, kế toán được sử dụng cho dự án không?	√
4.23. Các chính sách và thủ tục bằng văn bản có bao hàm tất cả các hoạt động quản lý tài chính thường lệ và các hoạt động hành chính liên quan không? Có thể tiếp cận các văn bản này không?	√
4.24. Các Hướng dẫn có được phân phát đến những nhân sự thích hợp không?	√
Tiền mặt và ngân hàng	
4.25. Nêu tên và vị trí của những người được ủy quyền ký tài khoản ngân hàng.	√
4.26. Dự án có duy trì sổ quỹ tiền mặt, ghi chép thu chi đầy đủ và cập nhật không?	√
4.27. Đơn vị có kiểm soát việc thu tiền, gửi tiền kịp thời và ghi chép việc thu tiền tại mỗi địa điểm thu tiền không?	√
4.28. Hàng tháng có đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng và kiểm kê quỹ tiền mặt không?	√
4.29. Tất cả các hạng mục bất thường trên bản đối chiếu ngân hàng có được	√

Chủ đề	Cơ quan thực hiện
người chịu trách nhiệm xem xét và phê duyệt không?	
4.30. Các khoản tiền nhận được có được gửi vào tài khoản ngân hàng kịp thời không?	√
Bảo quản tài sản	
4.31. Có hệ thống bảo quản đầy đủ để bảo vệ tài sản, tránh gian lận, lãng phí và lạm dụng không?	√
4.32. Các sổ phụ về tài sản cố định và hàng tồn kho có được cập nhật và đối chiếu với các tài khoản kiểm soát không?	√
4.33. Có kiểm kê thực tế định kỳ tài sản cố định và hàng tồn kho không?	√
4.34. Tài sản có được bảo hiểm đầy đủ không?	√
Các văn phòng khác (nếu có)	
4.35. Có cơ quan nào khác cùng tham gia thực hiện dự án không?	√
4.36. Dự án đã thiết lập các biện pháp kiểm soát và các thủ tục cho dòng lưu chuyển kinh phí, thông tin tài chính, trách nhiệm giải trình và quyết toán đối với các cơ quan tham gia thực hiện dự án đó chưa? Xin hãy mô tả quá trình phê duyệt.	√
4.37. Việc trao đổi thông tin quản lý giữa cơ quan thực hiện và các cơ quan tham gia thực hiện khác có chính xác và kịp thời không?	√
4.38. Giữa cơ quan thực hiện và các cơ quan tham gia thực hiện khác có đối chiếu sổ sách định kỳ không?	√
Các vấn đề khác	
4.39. Nhân viên, người hưởng lợi và những người nhận tài trợ khác có biết họ cần báo cáo cho ai nếu họ thấy nghi ngờ về việc gian lận, lãng phí hoặc lạm dụng nguồn lực và tài sản dự án không?	√
5. Kiểm soát/kiểm tra nội bộ	
5.1. Trong Cơ quan thực hiện có đơn vị kiểm toán/kiểm tra nội bộ không?	√
5.2. Trình độ và kinh nghiệm của cán bộ, nhân viên kiểm toán/kiểm tra nội bộ?	
5.3. Đơn vị kiểm toán/kiểm tra nội bộ có đủ độc lập để tiến hành các đánh giá quan trọng không? Kiểm toán/kiểm tra nội bộ báo cáo cho ai?	
5.4. Đơn vị kiểm soát/kiểm tra nội bộ có đưa các dự án của LHQ vào chương trình làm việc của họ hay không?	
5.5. Có thực hiện các biện pháp khắc phục theo phát hiện của kiểm soát/kiểm tra nội bộ không?	√
6. Kiểm toán độc lập	
6.1. Báo cáo tài chính dự án có được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán thường xuyên không? Ai kiểm toán?	√
6.2. Việc kiểm toán dự án có bị chậm trễ không? Báo cáo kiểm toán được ban hành khi nào?	√
6.3. Kiểm toán dự án có được tiến hành theo các Tiêu chuẩn quốc tế về kiểm toán không?	√
6.4. Có bất kỳ vấn đề trách nhiệm giải trình lớn nào được đưa ra trong báo cáo kiểm toán trong ba năm qua không?	√
6.5. Có khuyến nghị nào của cơ quan kiểm toán đưa ra trong các báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý trước đây mà chưa được thực hiện không?	√
7. Báo cáo và giám sát	
7.1. Cơ quan thực hiện có lập báo cáo tài chính hay không?	√

Chủ đề	Cơ quan thực hiện
7.2. Cơ quan thực hiện phải lập các loại báo cáo nào, tần suất và qui trình báo cáo như thế nào? Các loại báo cáo này có đủ để giúp ích cho hoạt động quản lý và ra quyết định không?	√
7.3. Hệ thống báo cáo hiện nay của cơ quan thực hiện có cần được điều chỉnh cho phù hợp để báo cáo về các khoản chi tiêu liên quan đến dự án không?	√
7.4. Hệ thống báo cáo có khả năng liên kết thông tin tài chính với tiến độ thực tế của dự án không? Nếu dự án sử dụng các hệ thống riêng biệt để thu thập và xây dựng dữ liệu tiến độ, thì dự án có những biện pháp kiểm soát gì để giảm thiểu rủi ro trong đó dữ liệu tiến độ có thể không phù hợp với dữ liệu tài chính?	√
7.5. Cơ quan thực hiện có xây dựng trách nhiệm báo cáo quản lý tài chính trong đó nêu rõ những báo cáo phải xây dựng, nội dung báo cáo và cách thức sử dụng báo cáo không?	√
7.6. Ban quản lý có sử dụng các báo cáo quản lý tài chính không?	√
7.7. Các báo cáo tài chính có so sánh chi tiêu thực tế với các khoản phân bổ theo ngân sách và chương trình không?	√
7.8. Các báo cáo tài chính được xây dựng trực tiếp bằng hệ thống kế toán tự động hay được xây dựng bằng các bảng tính (spreadsheets) hay phương tiện nào khác?	√
8. Các hệ thống thông tin quản lý	
8.1. Hệ thống quản lý tài chính/kế toán có sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng không (hay chỉ dùng bảng tính Excel)?	√
8.2. Hệ thống có thể tạo ra các báo cáo tài chính cần thiết không?	√
8.3. Nhân viên có được đào tạo đầy đủ để duy trì hệ thống không?	√
8.4. Hệ thống tổ chức quản lý và xử lý có đảm bảo tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn có của dữ liệu không?	√

Phụ lục 4: Hướng dẫn gợi ý về xếp hạng rủi ro liên quan tới năng lực quản lý tài chính của cơ quan thực hiện

	Lĩnh vực đánh giá	Tiêu lĩnh vực đánh giá	Cao Điểm từ 1 - 2,5	Đáng kể Điểm từ 2,5 - 6,0	Vừa phải Điểm từ 6,0 - 8,5	Thấp Điểm từ 8,5 - 10
1	Cơ quan thực hiện quốc gia (NIP)	Năng lực chung của NIP để quản lý nguồn lực của LHQ. Đặc biệt tập trung vào: a) Địa vị pháp lý của NIP; b) Kinh nghiệm tiếp nhận tài trợ của LHQ trước đây; c) Phân tách trách nhiệm trong NIP về quản lý nguồn lực của LHQ và với cơ quan quản lý độc lập trong ⁵ NIP với chính đơn vị thực hiện ⁶ .	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) NIP không được thành lập theo đúng quy định pháp luật; b) Các vấn đề nghiêm trọng liên quan tới tiếng tăm của NIP trong việc nhận nguồn lực của LHQ; c) Không có cơ quan quản lý độc lập, không có sự giám sát đối với cơ quan thực hiện.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Có một số vấn đề liên quan tới địa vị pháp lý của NIP; b) Có một số vấn đề liên quan tới tiếng tăm của NIP trong việc nhận nguồn lực của LHQ; c) Không có sự phân tách trách nhiệm và/ hoặc cơ quan quản lý không độc lập với đơn vị thực hiện.	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không có quan ngại về địa vị pháp lý của NIP; b) Không có vấn đề gì liên quan tới tiếng tăm của NIP trong việc nhận nguồn lực của LHQ; c) Có phân tách trách nhiệm song một số người nắm giữ vị trí trong cả cơ quan quản lý và cơ quan thực.	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không có quan ngại về địa vị pháp lý của NIP; b) Có uy tín tốt trong việc tiếp nhận và quản lý nguồn lực của LHQ; c) Mức độ phân tách trách nhiệm rõ ràng và cơ quan quản lý độc lập và hiệu quả đối với cơ quan thực hiện.
2	Dòng lưu chuyển kinh phí	Năng lực của NIP trong việc thu xếp và giám sát dòng tiền từ nhà tài trợ tới người sử dụng cuối cùng trong dự án. Đặc biệt tập trung vào: a) Năng lực của NIP trong việc thu xếp và giám sát dòng tiền; b) Các vấn đề liên quan tới chuyển tiền, quản lý việc chuyển tiền từ nguồn của nhà tài trợ và chuyển tiền từ nguồn vốn đối ứng c) Hệ thống báo cáo và giám sát để theo dõi việc sử dụng vốn từ phía người sử dụng cuối cùng.	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không giám sát dòng tiền; b) Quy trình chuyển tiền rất phức tạp và mất thời gian; c) Không giám sát việc sử dụng vốn.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Giám sát dòng tiền kém; b) Quy trình chuyển tiền tốn thời gian; c) Ít giám sát việc sử dụng vốn (tài liệu thiếu nhiều).	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Giám sát dòng tiền hợp lý; b) Quy trình hợp lý và có ít quan ngại về việc này; c) Có giám sát việc sử dụng vốn ở người sử dụng cuối cùng (song tài liệu không hoàn toàn rõ ràng).	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Giám sát dòng tiền tốt; b) Quy trình chuyển tiền hiệu quả; c) Giám sát việc sử dụng tiền hiệu quả ở người sử dụng cuối cùng.

⁵ Không có định nghĩa về cơ quan quản lý trong Điều khoản tham chiếu của UNDP song có thể hiểu đây là chức năng hoặc là các đơn vị trực thuộc của đối tác thực hiện chịu trách nhiệm chung về quản lý dự án và/ hoặc hoạt động vận hành của những dự án có vốn ODA tài trợ nhưng lại không trực tiếp liên quan tới thực hiện dự án đó. Cơ quan quản lý thường là, song không hạn chế các đơn vị tài chính và kế toán trung tâm đối với đối tác thực hiện.

⁶ Không có định nghĩa về cơ quan quản lý trong Điều khoản tham chiếu của UNDP song có thể hiểu là là cơ quan trong đối tác thực hiện chịu trách nhiệm thực hiện dự án có vốn ODA tài trợ. Thường đơn vị thực hiện là đơn vị trực tiếp nhận dự án ODA theo lĩnh vực hoạt động của mình. Về tổ chức, đơn vị thực hiện có thể là một ban quản lý dự án hoặc là một phần của một bộ phận trong chính đối tác thực hiện.

	Lĩnh vực đánh giá	Tiêu lĩnh vực đánh giá	Cao Điểm từ 1 - 2,5	Đáng kể Điểm từ 2,5 - 6,0	Vừa phải Điểm từ 6,0 - 8,5	Thấp Điểm từ 8,5 - 10
3	Bố trí nhân sự	Năng lực chung của nhóm tài chính của NIP về khả năng quản lý nguồn lực của LHQ. Đặc biệt tập trung vào: a) Cơ cấu tổ chức về chức năng tài chính và các bản mô tả công việc. b) Phân định trách nhiệm; c) Năng lực và động lực của nhân viên đối với mức độ phức tạp của công việc và khối lượng công việc tài chính; d) Kiến thức và kỹ năng đạt được do kinh nghiệm hoặc các cuộc đào tạo cụ thể về các quy trình vận hành của LHQ.	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Cơ cấu tổ chức về chức năng tài chính không hiệu quả và các vị trí và trách nhiệm lẫn lộn; b) Phân tách trách nhiệm ít dẫn tới khả năng lừa đảo hoặc sử dụng tài sản sai mục đích. c) Nhân viên không có năng lực và không có động lực. d) Không có đào tạo.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Cơ cấu tổ chức về chức năng tài chính không hiệu quả và không có bản mô tả công việc; b) Phân tách trách nhiệm ở mức thấp; c) Quan ngại quan trọng về năng lực và động lực của nhân viên; d) Đào tạo không đầy đủ.	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Cơ cấu tổ chức về chức năng tài chính hiệu quả; b) Phân tách trách nhiệm có thể được cải tiến; c) Một số quan ngại về năng lực và động lực của nhân viên; d) Đào tạo và cập nhật kiến thức và quy định còn hạn chế.	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Cơ cấu tổ chức về chức năng tài chính rất hiệu quả; b) Phân tách trách nhiệm rõ ràng; c) Nhân viên có khả năng và động lực cao; d) Đào tạo phù hợp và cập nhật kiến thức và quy định kịp thời.
4	Các chính sách và thủ tục kế toán	Chất lượng của chính sách, quy trình và kiểm soát kế toán của NIP. Đặc biệt tập trung vào: a) Năng lực của hệ thống kế toán trong việc phân bổ các khoản chi tiêu theo các dòng khác nhau, sử dụng các mã kế toán và sổ sách kế toán; b) Hướng dẫn chi tiêu về hoạt động kế toán; c) Phân tách trách nhiệm: yêu cầu, nhận yêu cầu, ghi lại, phê duyệt và chi trả cho các dịch vụ/ hàng hóa; d) Lập ngân sách và phân tích ngân sách thực tế; e) Quy trình chi trả; f) Quy trình kế toán; g) Quản lý tài sản, tiền mặt và ngân hàng; h) Quy trình liên quan các văn phòng khác.	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không có khả năng phân bổ các khoản chi tiêu; b) Không có hướng dẫn kế toán; c) Phân tách trách nhiệm ít gây ra lừa đảo hoặc sử dụng tài sản sai mục đích; d) Lập ngân sách rất kém và phân tích ngân sách thực rất kém; e) Các nguyên tắc kế toán bị thao túng hoặc quá sáng tạo; f) Rủi ro cao về tiền mặt, ngân hàng và quản lý tài sản; g) Không kiểm soát đối với các văn phòng khác.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Có những vấn đề quan trọng liên quan tới phân bổ các khoản chi tiêu và sổ sách kế toán; b) Không có hướng dẫn kế toán; c) Phân tách trách nhiệm thấp; d) Không có phân tích ngân sách thực; e) Kiểm soát về tiền mặt, ngân hàng và quản lý tài sản thấp; f) Kiểm soát đối với các văn phòng khác thấp.	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Có một số vấn đề về phân bổ các khoản chi tiêu; b) Có hướng dẫn kế toán song không rõ ràng; c) Phân tách trách nhiệm phù hợp; d) Phân tích ngân sách thực có chất lượng tốt; e) Kiểm soát về tiền mặt, ngân hàng và quản lý tài sản tốt; f) Kiểm soát đối với các văn phòng khác hợp lý.	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Phân bổ các khoản chi tiêu hiệu quả; b) Có hướng dẫn kế toán phù hợp; c) Phân tách trách nhiệm phù hợp; d) Phân tích ngân sách thực có chất lượng tốt và hỗ trợ nhiều cho quá trình ra quyết định; e) Kiểm soát về tiền mặt, ngân hàng và quản lý tài sản tốt; f) Kiểm soát đối với các văn phòng khác hợp lý.

	Lĩnh vực đánh giá	Tiêu lĩnh vực đánh giá	Cao Điểm từ 1 - 2,5	Đáng kể Điểm từ 2,5 - 6,0	Vừa phải Điểm từ 6,0 - 8,5	Thấp Điểm từ 8,5 - 10
5	Kiểm toán nội bộ	Chất lượng của hoạt động kiểm toán nội bộ của NIP. Đặc biệt tập trung vào: a) Tính độc lập và tính hiệu quả; b) Chất lượng của báo cáo kiểm toán nội bộ.	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không có chức năng kiểm toán nội bộ và các kỹ kiểm tra đã xác định có những vấn đề nghiêm trọng nảy sinh do thiếu chức năng kiểm toán nội bộ.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không có chức năng kiểm toán nội bộ.	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Có chức năng kiểm toán nội bộ song có vấn đề về tính độc lập và vai trò chưa rõ ràng; b) Một số yếu kém trong chất lượng của báo cáo kiểm toán nội bộ.	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Có chức năng kiểm toán nội bộ tốt; b) Báo cáo kiểm toán nội bộ có chất lượng cao.
6	Kiểm toán độc lập	Chất lượng báo cáo kiểm toán độc lập về NIP. Đặc biệt tập trung vào: a) Quan điểm của kiểm toán về báo cáo tài chính; b) Chất lượng của kiểm toán viên và điều khoản tham chiếu; c) Các vấn đề do kiểm toán viên độc lập xác định và những cải tiến mà NIP đã thực hiện.	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Không thừa nhận quan điểm của kiểm toán; b) Kiểm toán viên không đáng tin cậy; c) Một loạt các vấn đề được kiểm toán viên phát hiện ra và gần như NIP chưa có cải tiến gì.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Quan điểm của báo cáo kiểm toán không phù hợp; b) Quan ngại về tính độc lập và năng lực của kiểm toán viên; c) Có một số vấn đề được kiểm toán viên phát hiện ra và NIP có một chút cải tiến.	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Quan điểm kiểm toán không phù hợp hoặc phải sửa đổi một chút mỗi phù hợp; b) Chất lượng kiểm toán viên chấp nhận được song có thể cải thiện thêm về điều khoản tham chiếu; c) Một số vấn đề chính song NIP đã có những cải tiến đáng kể.	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Quan điểm kiểm toán phù hợp; b) Kiểm toán viên có chất lượng cao và làm việc theo điều khoản tham chiếu rõ ràng; c) Không có các vấn đề lớn và NIP đã có những cải tiến kịp thời.
7	Báo cáo và theo dõi	Chất lượng của hệ thống báo cáo và theo dõi của NIP. Đặc biệt tập trung vào: a) Chất lượng của hệ thống báo cáo nội bộ và bên ngoài; b) Tính hiệu quả của việc giám sát của cơ quan quản lý của NIP; c) Chất lượng, tần suất và tính kịp thời của báo cáo tài chính của dự án; d) Phân tích ngân sách thực và ngân sách thực theo mục tiêu.	Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Gần như không có hệ thống báo cáo nội bộ và bên ngoài; b) Gần như không có giám sát của cơ quan quản lý; c) Không có báo cáo tài chính; d) Không biết phân tích ngân sách thực và ngân sách thực theo mục tiêu.	Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Chất lượng hệ thống báo cáo nội bộ và bên ngoài rất thấp; b) Giám sát của cơ quan quản lý không đầy đủ; c) Không có báo cáo tài chính hoặc không tổng hợp báo cáo từ các hợp phần; d) Phân tích ngân sách thực và ngân sách thực theo mục tiêu có chất lượng thấp.	Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Hệ thống báo cáo nội bộ và bên ngoài có hiệu quả; b) Giám sát của cơ quan quản lý có hiệu quả; c) Một số vấn đề về chất lượng và/hoặc tính kịp thời của báo cáo tài chính của dự án; d) Có phân tích ngân sách thực và ngân sách thực theo mục tiêu. Song có một số yếu kém.	Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm: a) Hệ thống báo cáo nội bộ và bên ngoài rất hiệu quả; b) Giám sát của cơ quan quản lý rất hiệu quả qua đó đã khiến đơn vị thực hiện có những cải tiến; c) Chất lượng và tính kịp thời của báo cáo tài chính của dự án; d) Phân tích ngân sách thực và ngân sách thực theo mục tiêu có chất lượng cao và hỗ trợ quá trình ra quyết định.

	Lĩnh vực đánh giá	Tiêu lĩnh vực đánh giá	Cao Điểm từ 1 - 2,5	Đáng kể Điểm từ 2,5 - 6,0	Vừa phải Điểm từ 6,0 - 8,5	Thấp Điểm từ 8,5 - 10
8	Hệ thống thông tin	<p>Chất lượng hệ thống thông tin của NIP. Đặc biệt tập trung vào:</p> <p>a) Mức độ vi tính hóa và hỗ trợ của máy tính trong việc đưa ra báo cáo tài chính;</p> <p>b) Tính bảo mật của hệ thống.</p>	<p>Có những vấn đề với tính bất trắc cao liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm:</p> <p>a) Rất ít hỗ trợ từ hệ thống máy tính, chủ yếu là làm tay và việc chuẩn bị báo cáo rất mất thời gian;</p> <p>b) Tính bảo mật của hệ thống rất thấp.</p>	<p>Có những vấn đề với tính bất trắc quan trọng liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ từ hệ thống máy tính ở mức độ thấp, chủ yếu là làm tay và việc chuẩn bị báo cáo rất mất thời gian;</p> <p>b) Tính bảo mật của hệ thống rất thấp.</p>	<p>Có những vấn đề với tính bất trắc trung bình liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ từ hệ thống máy tính ở mức độ hợp lý;</p> <p>b) Một số vấn đề nhỏ về tính bảo mật của hệ thống.</p>	<p>Gần như không có quan ngại liên quan tới tiêu lĩnh vực đánh giá. Ví dụ bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ từ hệ thống máy tính hóa ở mức cao;</p> <p>b) Hệ thống bảo mật phù hợp.</p>
	Đánh giá rủi ro tổng hợp	Tổng tám tiêu chí và tổng số điểm. Số điểm tối đa là 80.	Tổng số điểm từ 8 - 20.	Tổng số điểm từ 20 - 48.	Tổng số điểm từ 48 - 68.	Tổng số điểm từ 68 - 80.